TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 19 tháng 01năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1981

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Phan Thị H

Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1981

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ phòng giao dịch: Khối phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Phan Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc D – Sinh ngày: 24 – 12 – 2001.

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ – Sinh ngày: 19 – 5 – 2005.

Họ và tên: Nguyễn Văn V – Sinh ngày 01 – 01 – 2007.

Họ và tên: Nguyễn Văn L – Sinh ngày: 12 – 5 – 2011

Giao các con chung: Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn L cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Trong thời gian chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị Hà mỗi tháng là 1.500.000đ cho cả bốn con chung.

Anh Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung: Cả anh Nguyễn Văn N và chị Phan Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng nợ ngân hàng chính sách xã hội khoản vay theo chương trình nước sạch – vệ sinh môi trường số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) , lãi suất 0,8%/tháng và khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất 0,55%/tháng. Tính đến ngày 11 tháng 01 năm 2018, vợ chồng nợ ngân hàng chính sách xã hội: 62.000.000đ tiền gốc và 365.326 đ tiền lãi.

Chị Phan Thị H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch huyện K số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 11 tháng 01 năm 2018 là: 62.365.326đ (*sáu hai triệu ba trăm sáu lăm nghìn ba trăm hai sáu đồng),* ngoài ra còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh thêm từ ngày 11 tháng 01 năm 2018 trên dư nợ tiền gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Áp dụng Khoản 3,4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5, các Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

Anh Nguyễn Văn N thỏa thuận nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng , nhưng đ□ợc khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005176 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ.

Chị Phan Thị H thỏa thuận chịu 1.560.000 (một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (N, H, Ngân hàng);
- VKS huyện Kỳ Anh;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

THẨM PHÁN

Hoàng Ngọc Tùng